

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐDTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/03/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+TD5	7:25	2+16	0+0		0+22	0+0	
2		CLO+TD3+BK16	7:25	0+18+0	0+0+0		0+19+2	0+0+0	CHUYEN 3-CLO TD3
3		P8+CTK3+TD5	9:25	10+9+0	0+0+0		8+9+5	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/03/2025	TO: TD3 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - SON - VŨ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KOROTKOV VICTOR	TD3	800	1	6			120	KHOAN	Russian
2	GUSEINOV MAXIM	TD3	99	1	10			81	KHOAN	Russian
3	NGUYEN HOANG LONG	TD3	97	1	10			65	DIA VL	Vietnamese
4	VO HUU TAN	TD3	98	1	11			79	DIA VL	Vietnamese
5	MAI HAI LONG	TD5	73	1	5	3	47	71	D-HANH	Vietnamese
6	DAVYDOV DANIIL	TD5	66	1	5			70	KHOAN	Russian
7	ASKAROV DENIS	TD5	56	1	7			84	KHOAN	Russian
8	NGUYEN XUAN THE	TD5	53	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
9	VY HUNG CUONG	TD5	59	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
10	BUI XUAN KHOA	TD5	63	1	10			56	KHOAN	Vietnamese
11	LUU VAN MANH	TD5	61	1	5			59	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN PHUNG QUE	TD5	58	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
13	HA VAN PHUC	TD5	62	1	3	2	42	74	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM ĐANG KHOI	TD5	65	1	13			90	KHOAN	Vietnamese
15	PODKATILIN A.N	TD5	67	1	8			80	KHOAN	Russian
16	TRAN THUONG VU	TD5	64	1	10			89	KHOAN	Vietnamese
17	VU THANH DUONG	TD5	71	1	7			86	DVL	Vietnamese
18	PHAM QUANG HUY	TD5	57	1	5			65	PSV	Vietnamese
19	LE VAN LOI	TD5	60	1	7			55	PSV	Vietnamese
20	PHAN HOANG LAM	TD5	68-70	3	13			70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	4	345	4	37	0	0	0		
2	TD5	16	1.162	18	110	5	89	22		
TOTAL		20	1.507	22	147	5	89	22		
WEIGHT KG			1.507		147		89			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/03/2025	TO: CLO - TD3 - BK16	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VTHU - LHAI - DUNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI HUU VUNG	TD3	65	1	8			93	KHOAN	Vietnamese
2	LUU VAN SON	TD3	66	1	3	5	80	64	KHOAN	Vietnamese
3	NGO VAN KIEM	TD3	54	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
4	DO THANH HAI	TD3	58	1	5			104	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM TRUONG ANH	TD3	59	1	3			94	KHOAN	Vietnamese
6	VU TOAN THANG	TD3	44	1	9			75	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN HAI NAM	TD3						70	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN MINH THANG	TD3	64	1	8			129	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM TIEN CHUNG	TD3	55	1	3			93	KHOAN	Vietnamese
10	DO NGUYEN GIAP	TD3	61-62	2	11			80	KHOAN	Vietnamese
11	TRINH HOANG KHANH	TD3	51	1	5			84	KHOAN	Vietnamese
12	HUYNH THANH LAM	TD3	53	1	6			69	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYEN THE HUY	TD3	52	1	10			81	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYEN TAT LOC	TD3	63	1	4			58	PSV	Vietnamese
15	HO SY THANH	TD3	57	1	3			61	PSV	Vietnamese
16	PHAN CHINH QUY	TD3	58	1	6			69	PSV	Vietnamese
17	BUI HAI THANH	TD3	60	1	9			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	0	0	0	0	1	20	1 + 2		CHUYEN 03 PAX TU CLO SANG TD3
2	TD3	17	1.359	17	96	5	80	19		
3	BK16	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		17	1.359	17	96	6	100	22		
WEIGHT KG			1.359		96		100			

GRAND TOAL: 1.555 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/03/2025	TO: P8 - CTK3 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: <u>LHUNG</u> - SON - HIÊU	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN ĐỨC HIỆP	P8	76-77	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN BỘ	P8	74-75	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
3	QUÁCH XUÂN THƯƠNG	P8	90-91	2	14			73	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẶNG TẤT HẠNH	P8	80	1	9	1	20	65	XAYLAP	Vietnamese
5	HUYNH PHƯƠNG HÙNG	P8	72	1	9	1	14	74	XAYLAP	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN SANG	P8	82-83	2	19			64	XAYLAP	Vietnamese
7	PHAN THANH NAM	P8	84	1	10	1	16	80	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAN THANH ANH	P8	78-79	2	15			65	XAYLAP	Vietnamese
9	VÔ VĂN LINH	P8	86-87	2	17			60	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN THANH NGHIỆM	P8	88-89	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	CTK3	22	1	17			81	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN HỮU QUYNH	CTK3	81-82	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN CÔNG DANH	CTK3	20-21	2	12			81	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	CTK3	23	1	13			66	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN VIÊN	CTK3	24-25	2	17			71	XAYLAP	Vietnamese
16	VƯƠNG HUY HOÀN	CTK3	15-16	2	18			63	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐĂNG TUYẾN	CTK3	26	1	8	1	15	69	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI	CTK3	18-19	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN HUY HIÊU	CTK3	17	1	7			60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	10	684	17	153	3	50	8		
2	CTK3	9	621	14	132	1	15	9		
3	TD5	0	0	0	0	1	20	5		
TOTAL		19	1.305	31	285	5	85	22		
WEIGHT KG			1.305		285		85			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN